Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

**CHƯƠNG VIII : CÁC NHÓM THỰC VẬT**

**Tiết 45 :TẢO**

**I.Mục tiêu**: Học xong bài này học sinh cần đạt được mục tiêu sau:

1. Kiến thức:

 Nêu rõ được môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là thực vật bậc thấp.

 Tập nhận biết một số tảo thường gặp.

 Hiểu rõ những lợi ích thực tế của tảo.

2. Kỹ năng:

 Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết.

3. Thái độ:

 Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

4.Năng lực:

Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề

Năng lực riêng: Tự nghiên cứu, tri thức về sinh học.

**II. Chuẩn bị của HS và GV**

1. Chuẩn bị của giáo viên:

 Mẫu tảo xoắn để trong cốc thuỷ tinh.

 Tranh tảo xoắn, rong mơ.

 Tranh một số tảo khác.

2. Chuẩn bị của học sinh:Đọc trước bài.

**III. Hoạt động dạy học**

**1.Ổn định lớp**

**2.Kiểm tra bài cũ**

**3. Dạy bài mới**

**a.Hoạt động khởi động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| Chiếu video về tảo dưới đại dương | Quan sát |  |

**b.Hoạt động hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo của tảo**

 *- Mục tiêu:*  Thấy được tảo xoắn có cấu tạo đơn giản là một sợi gồm nhiều tế bào. Nắm được đặc điểm bên ngoài của rong mơ.

 *- Cách tiến hành:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| a) Quan sát tảo xoắn( tảo nước ngọt)- Giáo viên giới thiệu mẫu tảo xoắn và nơi sống.- Hướng dẫn hs quan sát một sợi tảo phóng to trên tranh, trả lời câu hỏi:+ Mỗi sợi tảo xoắn có cấu tạo như thế nào?+ Vì sao tảo xoắn có màu lục?- Giáo viên giảng giải về:+ Tên gọi của tảo xoắn do chất nguyên sinh có dải xoắn chứa diệp lục.+ Cách sinh sản của tảo xoắn: Sinh sản sinh dưỡng và tiếp hợp.- Giáo viên chốt lại vấn đề bằng câu hỏi: Nêu đặc điểm cấu tạo của tảo xoắn?b) Quan sát rong mơ( tảo nước mặn)- Giáo viên giới thiệu môi trường sống của rong mơ.- Hướng dẫn quan sát tranh rong mơ, trả lời câu hỏi:+ Rong mơ có cấu tạo như thế nào?+ So sánh hình dạng ngoài rong mơ với cây bàng.-> tìm các đặc điểm giống và khác nhau?+ Vì sao rong mơ có màu nâu?- Giáo viên giới thiệu cách sinh sản của rong mơ.-> Rút ra nhận xét: Thực vật bậc thấp có đặc điểm gì | - Các nhóm hs quan sát mẫu tảo xoắn bằng mắt và bằng tay, nhận dạng tảo xoắn ngoài tự nhiên.- Hs quan sát kỹ tranh, cho một vài em nhận xét cấu tạo tảo xoắn về:+ Tổ chức cơ thể+ Cấu tạo tế bào+ Màu sắc của tảo.- Gọi một vài hs phát biểu, rút ra kết luận.Cơ thể tảo xoắn là một sợi gồm nhiều tế bào hình chữ nhậtTảo xoắn có màu lục vì chất nguyên sinh có dải xoắn chứa diệp lục.- Hs quan sát tranh, tìm các điểm giống và khác nhau giữa rong mơ và cây bàng:- Gợi ý:Giống: Hình dạng giống 1 cây.Khác: Chưa có rễ, thân, lá thật sự.- Hs căn cứ vào cấu tạo trong của rong mơ và tảo xoắn, trao đổi nhóm rút ra kết luận.- Thảo luận lớp, tìm ra đặc điểm chung của tảo.Tảo là thực vật bậc thấp có cấu tạo đơn giản, có diệp lục chưa có rễ, thân, lá. | *\* Kết luận 1:* Cơ thể tảo xoắn là một sợi gồm nhiều tế bào hình chữ nhật. Tảo là thực vật bậc thấp có cấu tạo đơn giản, có diệp lục chưa có rễ, thân, lá. |

**Hoạt động 2: Làm quen một vài tảo khác thường gặp**

 *- Mục tiêu:* Hs có kiến thức về sự đa dạng của tảo về hình dạng, cấu tạo, màu sắc.

 *- Cách tiến hành:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| - Giáo viên sử dụng tranh, giới thiệu một số tảo khác.- Yêu cầu hs đọc thông tin SgkTr124, rút ra nhận xét hình dạng của tảo? Qua hoạt động 1, 2 có nhận xét gì về tảo nói chung. | - Học sinh quan sát: Tảo đơn bào, tảo đa bào.- Hs nhận xét sự đa dạng của tảo về: Hình dạng, cấu tạo, màu sắc.-> Nêu được: Tảo là thực vật bậc thấp, có 1 hay nhiều tế bào. | *\* Kết luận 2:* Tảo là thực vật bậc thấp, có 1 hay nhiều tế bào. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của tảo**

 *- Mục tiêu:* Nắm được vai trò chung của tảo trong nước.

 *- Cách tiến hành:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| - Giáo viên hỏi:+ Tảo sống ở nước có lợi gì?+ Với đời sống con người tảo có lợi gì?+ Khi nào tảo có thể gây hại? | - Học sinh thảo luận nhóm nêu được vai trò của tảo trong tự nhiên và trong đời sống con người. | *\* Kết luận 2:*Vai trò của tảo:Góp phần cung cấp ôxi và thức ăn cho các động vật ở nước.Một số tảo cũng được dùng làm thức ăn cho người và gia súc, làm thuốc, làm phân bón, làm nguyên liệu dùng trong công nghiệp.Bên cạnh đó một số trường hợp tảo cũng gây hại. |

**c. Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động GV | Hoạt động HS | Ghi bảng |
| **Câu 1.** Trong các loại tảo dưới đây, loại tảo nào có kích thước lớn nhất ?A. Tảo tiểu cầuB. Rau câuC. Rau diếp biểnD. Tảo lá dẹp**Câu 2.** Khi nói về tảo, nhận định nào dưới đây là không chính xác ?A. Sống chủ yếu nhờ việc hấp thụ chất hữu cơ từ môi trường ngoàiB. Hầu hết sống trong nướcC. Luôn chứa diệp lụcD. Có cơ thể đơn bào hoặc đa bào**Câu 3.** Vì sao nói “Tảo là thực vật bậc thấp” ?A. Vì chúng không có khả năng quang hợpB. Vì cơ thể chúng có cấu tạo đơn bàoC. Vì cơ thể chúng chưa có rễ, thân, lá thật sự.D. Vì chúng sống trong môi trường nước.**Câu 4.** Tảo có vai trò gì đối với đời sống con người và các sinh vật khác ?A. Cung cấp nguồn nguyên liệu trong công nghiệp sản xuất giấy, hồ dán, thuốc nhuộm… ngoài ra còn được sử dụng làm phân bón, làm thuốc.B. Cung cấp nguồn thức ăn cho con người và nhiều loài động vật.C. Cung cấp ôxi cho hoạt động hô hấp của con người và hầu hết các sinh vật khác.D. Tất cả các phương án đưa ra.**Câu 5.** Loại tảo nào dưới đây có màu nâu ?A. Rau diếp biển      B. Rong mơC. Tảo xoắn      D. Tảo vòng | Cá nhân trả lời | 1.D2.A3.C4.D5.B |

**d.Hoạt động vận dụng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động GV | Hoạt động HS | Ghi bảng |
| Học sinh đọc kết luận cuối bài. Kiểm tra đánh giá: Học sinh trả lời câu hỏi Sgk | -Cá nhân trả lời |  |

**e.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động GV | Hoạt động HS | Ghi bảng |
| - Học bài và ôn bài cũ- Đọc trước bài mới.-Tìm hiểu thêm về cây rêu | -Lăng nghe |  |

**f. Rút kinh nghiệm:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................